



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07QT (Nhóm Thi 2) - Tổ 004 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi RD303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07122127	NGUYỄN HỒNG PHÚC	29/01/89		<i>Phúc</i>	7	<i>Bay</i>
2	07122128	NGUYỄN THỊ KIM PHÚC	21/12/89		<i>Kim</i>	9	<i>Chín</i>
3	07122129	NGUYỄN PHƯỚC HỒNG	18/09/89		<i>Hồng</i>	9	<i>Chín</i>
4	07122132	ĐỖ THỊ LAN	PHƯƠNG	20/11/89	<i>Châu</i>	3	<i>Ba</i>
5	07122130	LÊ THỊ BÍCH	PHƯƠNG	20/06/90	<i>Tram</i>	6	<i>Sáu</i>
6	07122131	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	10/06/89	<i>Tram</i>	6	<i>Sáu</i>
7	07122136	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	02/09/89		<i>Phu</i>	9	<i>Chín</i>
8	07122135	TRẦN THỊ THANH	PHƯƠNG	06/11/89	<i>Ung</i>	8	<i>Tám</i>
9	07122138	PHAN THỊ THU	PHƯƠNG	02/08/88	<i>Thu</i>	4	<i>Bốn</i>
10	07122137	TRẦN THỊ NGỌC	PHƯƠNG	09/06/89	<i>Ngọc</i>	5	<i>Ba</i>
11	07122140	DƯ DUY	QUANG	09/10/89	<i>Quang</i>	7	<i>Bảy</i>
12	07122141	LƯƠNG VĨNH	QUAY	14/10/84	<i>Quay</i>	7	<i>Bảy</i>
13	07122142	CHÂU NGỌC QUẾ	04/08/89		<i>Ngọc</i>	8	<i>Tám</i>
14	07122143	NGUYỄN THỊ QUYÊN	25/07/88		<i>Quyên</i>	6	<i>Sáu</i>
15	07122145	TRẦN THỊ BÍCH	QUYÊN	14/02/89	<i>Bích</i>	8	<i>Tám</i>
16	07122146	NGUYỄN THANH SANG	11/09/89				
17	07122147	LÝ A	SÁNG	19/03/87	<i>Ly</i>	7	<i>Bảy</i>
18	07122148	ĐOÀN QUỐC SĨ	16/06/89		<i>Quoc</i>	8	<i>Tám</i>
19	07122150	PHAN XUÂN SỸ	19/05/89		<i>Sỹ</i>	7	<i>Bảy</i>
20	07122151	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TÂM	18/09/88	<i>Tram</i>	7	<i>Bảy</i>
21	07122152	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	12/11/88	<i>Thanh</i>	7	<i>Bảy</i>
22	07122153	TRẦN THANH	TÂM	04/02/89	<i>Tram</i>	8	<i>Tám</i>
23	07122156	BẠCH VĂN TÂN	29/06/89		<i>Bach</i>	8	<i>Sáu</i>
24	07122155	PHẠM TÂN	09/11/89		<i>Pham</i>	8	<i>Tám</i>
25	07122157	TRẦN ĐÌNH THẠC	08/09/89		<i>Thac</i>	6	<i>Sáu</i>
26	07122159	NGUYỄN VĂN THÀNH	24/09/88		<i>Thanh</i>	2	<i>Hai</i>
27	07122160	HỒ PHƯƠNG THẢO	03/04/89		<i>Thao</i>	7	<i>Bảy</i>
28	07122162	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	05/09/89	<i>Thao</i>	8	<i>Tám</i>
29	07125223	PHAN THỊ MỸ	THẨM	26/11/89	<i>My</i>	9	<i>Chín</i>
30	07122165	NGUYỄN QUỐC THẮNG	13/02/85		<i>Thang</i>	6	<i>Sáu</i>
31	07122167	VÕ KHẮC THẨM	04/12/89		<i>Vu</i>	7	<i>Bảy</i>
32	07122168	DƯƠNG ĐÌNH KIM	THỊ	06/08/89	<i>Kim</i>	8	<i>Tám</i>
33	07122169	NGUYỄN TRƯỜNG	THỊ	19/02/87	<i>Truong</i>	8	<i>Tám</i>
34	07122170	NGUYỄN THỊ THỊN	20/01/88		<i>Thi</i>	8	<i>Tám</i>
35	07122171	DƯƠNG THỊ PHÚC	THỊNH	16/01/89	<i>Phuc</i>	9	<i>Chín</i>
36	07122172	NGUYỄN TRƯỜNG THỌ	13/08/89		<i>Tho</i>	8	<i>Tám</i>

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi Lớp DH07QT (Nhóm Thi 2) - Tổ 004 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Sốt	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07122173	BÙI KIM THOA	08/08/89	✓	✓	✓	vắng

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Số sinh viên dự thi: 35 Số bài: 35 Sờ từ: 33

Cán bộ coi thi 1


Trần Kim Hằng

Cán bộ coi thi 2



Xác nhận của bộ môn


Ng. Hồ Hải

Cán bộ chấm thi 1


Th.S Nguyễn Văn Trọng

Cán bộ chấm thi 2



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07QT (Nhóm Thi 2) - Tổ 005 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi RD304

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07122174	NGUYỄN MAI NGỌC	THOẠI	18/02/88		8	Tam
2	07122175	VÕ THỊ	THOẠI	20/09/89		7	Bảy
3	07122177	HOÀNG THỊ MINH	THỦY	12/07/89		7	Bảy
4	07122176	HỒ THỊ KIM	THỦY	28/12/89		7	Bảy
5	07122178	NGUYỄN THỊ	THỦY	04/09/89		7	Bảy
6	07122179	ĐẶNG THỊ HỒNG	THỦY	10/10/89		8	Tam
7	07122180	NGUYỄN THANH	THỦY	1 / 89		9	Chín
8	07122182	ĐỖ THIÊN	THỨ	03/11/89			
9	07122181	NGUYỄN THỊ KIM	THỨ	1 / 88		8	Tam
10	07122183	ĐÀO DUY	TOÀN	23/11/89			
11	07122185	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRANG	08/03/89		7	Bảy
12	07122184	NGUYỄN THỊ ĐÀI	TRANG	06/10/89			
13	07122186	NGUYỄN THỊ THANH	TRANG	24/04/89		8	Tam
14	07122189	NGUYỄN THỊ THỦY	TRANG	03/10/89		9	Chín
15	07122188	PHAN TRẦN THỊ THU	TRANG	03/11/89			
16	07122187	TRẦN THỊ	TRANG	30/01/89		9	Chín
17	07122190	TRỊNH THỊ XUÂN	TRANG	14/09/88		8	Tam
18	07122191	NGUYỄN THỊ VŨ	TRẦN	10/02/89		7	Bảy
19	07122192	TRẦN NGUYỄN BẢO	TRẦN	29/09/89		8	Tam
20	07122193	TRỊNH THỊ BẢO	TRẦN	21/07/89		7	Bảy
21	07122194	NGUYỄN VĂN	TRÍ	16/08/87		5	Năm
22	07122195	NGUYỄN ÍCH PHI	TRÌNH	04/04/89		5	Năm
23	07122196	NGUYỄN ĐỖ THANH	TRÚC	13/10/89		7	Bảy
24	07122197	VÕ THỊ THANH	TRÚC	12/12/89		7	Bảy
25	07122198	ĐOÀN LÊ ANH	TUẤN	09/11/89		6	Sáu
26	07155015	HỒ MINH	TUẤN	16/07/88		4	Bốn
27	07122199	BÙI QUỐC	TÙNG	18/09/89		9	Chín
28	07122201	LÊ THỊ THANH	TUYỀN	25/06/89		7	Bảy
29	07122200	NGUYỄN THỊ HỒNG	TUYỀN	12/05/89		6	Sáu
30	07122202	ĐỖ THỊ CẨM	UYỄN	20/03/89		7	Bảy
31	07122205	PHẠM THANH	VĂN	24/12/88		7	Bảy
32	07122204	PHẠM THỊ HỒNG	VĂN	09/05/89		6	Sáu
33	07122208	NGUYỄN MINH	VƯƠNG	05/11/88		2	Hai
34	07122209	NGUYỄN THỊ BÌNH	YẾN	03/11/89		4	Bốn
35	07122210	NGUYỄN THỊ XUÂN	YẾN	26/10/89		7	Bảy
36	07122213	ĐẶNG THỊ NGỌC	YẾN	03/10/89		8	Tam

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi Lớp DH07QT (Nhóm Thi 2) - Tổ 005 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07122211	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	29/03/89			6	Sưu
38	07122212	VÕ KIM YẾN	21/08/89			7	Kay

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 54 Số bài: 34 Số tờ: 49

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

P.T. Huyền

Cán bộ coi thi 2

Đinh Văn Bình

Xác nhận của bộ môn

Ngô Hồng Hải

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Tron



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07TM (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi TV302

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07150003	BÙI NGUYỄN HOÀNG	ANH	02/10/89	<i>[Signature]</i>	8	Tám
2	07150006	DƯƠNG THỰC	ANH	14/03/89	<i>[Signature]</i>	8	Tám
3	07150007	LÊ VĂN	ANH	08/02/89	<i>[Signature]</i>	7	Bảy
4	07150004	PHAN THỊ KIM	ANH	21/07/89	<i>[Signature]</i>	5	Năm
5	07150009	LÊ VĂN	ÂN	12/07/84	<i>[Signature]</i>	7	Bảy
6	07150008	PHẠM THANH	ÂN	03/04/87	<i>[Signature]</i>	7	Bảy
7	07150010	NGUYỄN THỊ	BÉ	26/09/89	<i>[Signature]</i>	8	Tám
8	07150011	MA THỊ	BẾN	06/10/89	<i>[Signature]</i>	7	Bảy
9	07150012	PHAN THỊ MAI	CHI	26/07/89	<i>[Signature]</i>	6	Sáu
10	07150013	LÊ VĂN	CHIÊN	02/10/89	<i>[Signature]</i>	8	Tám
11	07150014	THÁI LỆ	CHINH	17/09/89	<i>[Signature]</i>	5	Năm
12	07150015	PHẠM QUANG	CHUẨN	23/06/88	<i>[Signature]</i>	5	Năm
13	07150017	VÕ THỊ KIM	DANH	05/05/89	<i>[Signature]</i>	7	Bảy
14	07150018	TỬ THỊ BÙU	DINH	03/02/89	<i>[Signature]</i>		
15	07150019	HUỲNH CÔNG	DUNG	10/08/86	<i>[Signature]</i>	5	Năm
16	07150021	LÝ THỊ NGỌC	DUNG	08/07/89	<i>[Signature]</i>	8	Tám
17	07150022	VĂN THANH	DUNG	04/10/88	<i>[Signature]</i>		
18	07150024	HUỲNH THỊ MỸ	DUYỄN	22/05/89	<i>[Signature]</i>	8	Tám
19	07150025	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	24/11/89	<i>[Signature]</i>	9	Chín
20	07150027	TRẦN VĂN	ĐEN	/01/89	<i>[Signature]</i>	8	Tám
21	07150028	TRẦN QUỐC	ĐÔNG	13/12/89	<i>[Signature]</i>	8	Tám
22	07150030	LÊ VỆ	GIANG	28/10/89	<i>[Signature]</i>	7	Bảy
23	07150029	NGUYỄN SƠN	GIANG	15/09/89	<i>[Signature]</i>	8	Tám
24	07150032	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	13/02/88	<i>[Signature]</i>	8	Tám
25	07150031	TRẦN HOÀNG NGỌC	HÀ	11/10/89	<i>[Signature]</i>	7	Bảy
26	07150033	NGUYỄN MAI HỒNG	HẠNH	13/09/89	<i>[Signature]</i>	7	Bảy
27	07150034	TRẦN THỊ HỒNG	HẠNH	01/03/89	<i>[Signature]</i>	7	Bảy
28	07150035	ĐẶNG THỊ HỒNG	HÁO	22/10/89	<i>[Signature]</i>	7	Bảy
29	07150037	LÊ THỊ MINH	HẶNG	26/06/89	<i>[Signature]</i>	9	Chín
30	07150036	PHAN THỊ LỆ	HẶNG	06/09/89	<i>[Signature]</i>	9	Chín
31	07150039	TRẦN THỊ THU	HIỀN	28/02/89	<i>[Signature]</i>	6	Sáu
32	07150040	LÊ TRÍ	HIỂU	01/04/89	<i>[Signature]</i>	4	Bốn
33	07150041	PHẠM THỊ THANH	HÔNG	07/04/87	<i>[Signature]</i>	6	Sáu
34	07150044	ĐÌNH THỊ	HUỆ	05/07/88	<i>[Signature]</i>	9	Chín
35	07150045	NGUYỄN	HUY	03/12/88	<i>[Signature]</i>	3	Ba
36	07150046	TRẦN ĐỖ PHÚC	HUY	10/11/89	<i>[Signature]</i>	8	Tám

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07TM (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07150047	LÃNG THỊ HOÀI	HUYỀN	23/01/88			
38	07150048	PHẠM THỊ MỸ	HUYỀN	02/10/89	<i>Phạm Mỹ</i>	9	Chín
39	07150050	LÊ ĐĂNG MỸ	HƯƠNG	24/06/89	<i>Lê Mỹ</i>	7	Bảy
40	07150052	VŨ NGUYỄN VĂN	KHÁNH	19/02/89	<i>Vũ Văn</i>	7	Bảy
41	07150053	TRẦN	KIÊN	06/05/89			
42	07150055	CHÂU HỒNG THIÊN	KIM	15/05/89	<i>Châu Thiên</i>	1	Một
43	07150056	NGUYỄN THỊ	LA	17/09/89	<i>Nguyễn Thị</i>	5	Năm
44	07150057	ĐỖ HOÀNG	LAI	25/07/89	<i>Đỗ Hoàng</i>	8	Tám
45	07150058	PHẠM THANH	LAM	14/04/89	<i>Phạm Thanh</i>	6	Sáu
46	07150061	LÊ HOÀNG YẾN	LAN	25/03/86	<i>Lê Yến</i>	8	Tám
47	07150060	TRẦN THỊ MAI	LAN	23/02/88	<i>Trần Mai</i>	8	Tám
48	07150062	VƯƠNG ĐỨC	LỊCH	13/01/89	<i>Vương Đức</i>	5	Năm
49	07150063	NGUYỄN THỊ THỦY	LIÊN	18/10/89	<i>Nguyễn Thị</i>	9	Chín
50	07150064	NGUYỄN THỊ HẢI	LINH	07/11/89	<i>Nguyễn Thị</i>	5	Năm
51	07150065	TRẦN KHÁNH	LINH	05/09/89	<i>Trần Khánh</i>	6	Sáu
52	07150066	TRẦN THỊ	LINH	23/04/89	<i>Trần Thị</i>	6	Sáu
53	07150067	ĐẶNG THẠNH	LỘC	18/04/89	<i>Đặng Thanh</i>	4	Bốn
54	07150068	LƯƠNG VĂN	LỘC	22/06/89	<i>Lương Văn</i>	6	Sáu
55	07150069	NGUYỄN CHÍNH	LUÂN	30/03/89	<i>Nguyễn Chính</i>	9	Chín
56	07150070	NGUYỄN CAO HỒNG	LỮU	08/07/89	<i>Nguyễn Cao</i>	9	Chín
57	07150072	ĐINH CÔNG	MINH	02/01/89	<i>Đinh Công</i>	4	Bốn
58	07150074	VÕ THỊ THU	MỸ	15/05/88	<i>Võ Thị Thu</i>	7	Bảy
59	07150076	CUNG THỊ BÍCH	NGỌC	01/05/88	<i>Cung Bích</i>	8	Tám
60	07150082	ĐOÀN THÁI	NGỌC	15/06/89	<i>Đoàn Thái</i>	8	Tám
61	07150077	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	14/06/89	<i>Nguyễn Thị</i>	8	Tám
62	07150080	PHAN KIM	NGỌC	22/02/88	<i>Phan Kim</i>	8	Tám
63	07150086	NGUYỄN LÊ HỒNG	NHAN	21/11/88	<i>Nguyễn Lê</i>	7	Bảy
64	07150087	ĐỖ THỊ THANH	NHÂN	18/02/89	<i>Đỗ Thị Thanh</i>	7	Bảy
65	07150089	ĐỖ NGUYỄN YẾN	NHI	25/04/89	<i>Đỗ Nguyễn</i>	8	Tám

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 61 Số bài: 61 Số tờ: 97

Ngày 10 tháng 05 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 *Ng. T. Phức Thủy*

Cán bộ coi thi 2 *Phạm Minh Trung*

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1 *Ng. T. Phức Thủy*

Cán bộ chấm thi 2

Ng. T. Phức Thủy
Ng. T. Phức Thủy

Th. S. Nguyễn Văn Công
Th. S. Nguyễn Văn Công



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07TM (Nhóm Thi 1) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi TV303

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07150088	VÕ THỊ NGỌC	NHI	12/02/89		7	Bảy
2	07150090	VÕ THỊ YẾN	NHI	16/12/89		9	Chín
3	07150091	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	13/01/89		9	Chín
4	07150092	TRẦN THỊ HỒNG	NHUNG	02/07/89		8	Tám
5	07150096	PHẠM THỊ	OANH	19/08/88		8	Tám
6	07150095	TRƯƠNG HOÀNG	OANH	16/08/89		8	Tám
7	07150097	ĐẶNG VĂN	ON	20/05/88		9	Chín
8	07150099	NGUYỄN DUY	PHÚ	06/08/89		8	Tám
9	07150100	NGUYỄN THỊ HẠNH	PHÚC	01/03/89		8	Tám
10	06150138	LÊ THANH	PHƯỚC	18/11/88		8	Tám
11	07150102	ĐỖ BÍCH	PHƯƠNG	01/05/89		8	Tám
12	07150105	ĐỖ THỊ TRÚC	PHƯƠNG	12/07/88		6	Sáu
13	07150104	LÊ HOÀI	PHƯƠNG	1 / 89		7	Bảy
14	07150103	NGHỊ THỊ BÍCH	PHƯƠNG	21/07/89		8	Tám
15	07150108	HUỖNH THỊ HỒNG	PHƯƠNG	28/06/89		7	Bảy
16	07150107	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	20/05/88		8	Tám
17	07150109	PHẠM HOÀNG	QUÂN	08/06/89		7	Bảy
18	07150111	PHAN PHÚ	QUỐC	20/06/89		6	Sáu
19	07150112	NGUYỄN VĂN	QUÝ	10/05/89		3	Ba
20	07150114	VŨ THUY	QUYÊN	13/12/89		3	Ba
21	07150115	CAO THỊ NHƯ	QUỲNH	08/03/90		5	Năm
22	07150117	NGUYỄN ÁNH	SANG	23/07/89		6	Sáu
23	07150118	NGUYỄN THỊ HỒNG	SON	04/02/89		5	Năm
24	07150119	NGUYỄN HOÀNG	SON	26/11/89		8	Tám
25	07150120	NGUYỄN TRƯỜNG	SON	27/11/89		8	Tám
26	07150121	PHẠM THÀNH	TÀI	08/09/87		5	Năm
27	07150125	LÊ THỊ	TÂM	02/05/89		9	Chín
28	07150124	NGUYỄN THÀNH	TÂM	02/02/88		8	Tám
29	07150123	THÁI THỊ THANH	TÂM	09/06/89		7	Bảy
30	07150126	HỒ KIẾN	THẠCH	04/06/88		8	Tám
31	07150127	LÊ VINH	THÁI	09/01/89		7	Bảy
32	07150130	NGUYỄN THỊ	THANH	30/03/88		9	Chín
33	07150129	NGUYỄN THỊ NGỌC	THANH	09/03/89		8	Tám
34	07150132	NGUYỄN VĂN	THÀNH	01/05/88		6	Sáu
35	07150133	ĐẶNG THỊ KIM	THẢO	27/09/88		8	Tám
36	07150135	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	03/07/89		8	Tám

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi Lớp DH07TM (Nhóm Thi 1) - Tổ 002 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Từ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07150137	TRẦN THỊ THU	THẢO	10/12/88	<i>Thu</i>	7	<i>Bay</i>
38	07150136	VÕ THỊ	THẢO	07/09/89			
39	07150138	ĐẶNG THỊ	THẨM	10/04/89	<i>Th</i>	8	<i>Th</i>
40	07150140	ĐÌNH THỊ	THẨM	15/11/89	<i>Th</i>	8	<i>Th</i>
41	07150141	PHAN THỊ THANH	THÂN	04/12/89	<i>Th</i>	8	<i>Th</i>
42	07150142	LƯƠNG THỊ THU	THÂN	29/09/89	<i>Th</i>	8	<i>Th</i>
43	07150143	ĐỖ TẤN	THỊNH	01/01/88	<i>Đ</i>	5	<i>Nam</i>
44	07150144	NGUYỄN PHÚC	THỌ	09/09/89	<i>Th</i>	5	<i>Nam</i>
45	07150146	NGUYỄN THỊ KIM	THOÀ	01/06/89	<i>Th</i>	7	<i>Bay</i>
46	07150148	LÊ MỸ DAN	THÙY	12/11/89	<i>Th</i>	5	<i>Th</i>
47	07150151	CAO HÀ THU	THÙY	15/01/89	<i>Th</i>	7	<i>Bay</i>
48	07150152	ĐOÀN THỊ THU	THÙY	06/09/89			
49	07150149	LÊ THỊ	THÙY	10/10/89	<i>Th</i>	5	<i>Nam</i>
50	07150150	NGUYỄN THỊ	THÙY	25/10/89	<i>Th</i>	9	<i>Chis</i>
51	07150155	PHẠM THỊ THU	THÙY	27/11/89	<i>Th</i>	8	<i>Th</i>
52	07150156	ĐOÀN THỊ	THÚY	13/09/89	<i>Th</i>	9	<i>Chis</i>
53	07150157	TRƯƠNG THỊ	THUYỀN	10/10/89	<i>Th</i>	7	<i>Bay</i>
54	07150159	PHẠM ANH	THƯ	22/04/89	<i>Th</i>	7	<i>Bay</i>
55	07150160	LÊ THỊ	THƯƠNG	02/02/88	<i>Th</i>	7	<i>Bay</i>
56	07150161	NGUYỄN THỊ LAN	THY	24/05/89	<i>Th</i>	9	<i>Chis</i>
57	07150162	PHẠM THỊ	THY	02/08/89	<i>Th</i>	6	<i>Sau</i>
58	07150163	CAO MINH	TIẾN	17/11/89	<i>Th</i>	7	<i>Bay</i>
59	07150165	TẠ HỮU	TÌNH	18/08/88	<i>Th</i>	6	<i>Sau</i>
60	07150166	TRẦN THỊ THANH	TRÀ	18/02/89	<i>Th</i>	8	<i>Th</i>
61	07150168	ĐOÀN LÊ MINH	TRANG	04/08/89	<i>Th</i>	6	<i>Sau</i>
62	07150172	LÊ THỊ THÙY	TRANG	01/02/88	<i>Th</i>	7	<i>Bay</i>
63	07150176	NGUYỄN THUY VÂN	TRANG	03/01/89	<i>Th</i>	6	<i>Sau</i>
64	07150175	PHẠM THỊ THÙY	TRANG	22/11/89	<i>Th</i>	7	<i>Bay</i>
65	07150171	THẨM THỊ	TRANG	12/12/89	<i>Th</i>	7	<i>Bay</i>
66	07150169	TRẦN LÊ MINH	TRANG	03/03/89	<i>Th</i>	8	<i>Th</i>
67	07150177	NGUYỄN ĐÌNH BẢO	TRÂM	29/03/89	<i>Th</i>	8	<i>Th</i>
68	07150178	TRẦN LÊ QUỲNH	TRÂM	31/01/88	<i>Th</i>	8	<i>Th</i>
69	07150179	BÙI NGỌC BẢO	TRẦN	15/01/88	<i>Th</i>	7	<i>Bay</i>
70	07150180	PHAN THÀNH TỔ	TRẦN	10/11/88	<i>Th</i>	6	<i>Sau</i>
71	07150184	BÙI THANH	TRUNG	09/05/87	<i>Th</i>	4	<i>Bos</i>
72	07150186	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	28/08/89	<i>Th</i>	6	<i>Sau</i>
73	07150187	PHẠM XUÂN	TRUNG	22/11/88	<i>Th</i>	5	<i>Nam</i>
74	07150185	TẠ ĐÌNH THANH	TRUNG	20/10/89	<i>Th</i>	7	<i>Bay</i>

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07TM (Nhóm Thi 1) - Tổ 002 - Đợt 2

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Từ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
75	07150189	ĐỖ MINH	TRƯỜNG	27/11/89		9	Chín
76	07150188	HỒ NGỌC ĐẠO HẢI	TRƯỜNG	23/07/89		4	Bốn
77	07150191	TRẦN NGỌC	TÚ	10/10/88		6	Sáu
78	07150192	VÕ THÀNH	TUẤN	17/05/85		6	Sáu
79	07150193	TRẦN ĐỨC	TUẤN	20/07/88		4	Bốn
80	07150196	LÊ THỊ BÍCH	TUYỀN	24/08/89		9	Chín
81	07123273	MAI THỊ THU	TUYẾT	15/07/87		7	Bảy
82	07150197	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	12/08/89		8	Tám
83	07150199	VƯƠNG THẾ	VĂN	02/08/81			
84	07150203	NGUYỄN TUYẾT	VĂN	18/05/89		7	Bảy
85	07150201	PHẠM THỊ MỸ	VĂN	10/06/89		7	Bảy
86	07150200	VÕ THỊ CẨM	VĂN	05/02/89		9	Chín
87	07150204	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	24/10/88		5	Năm
88	07150207	LÊ THỊ MỸ	VY	16/12/88		7	Bảy
89	07150209	NGUYỄN THỊ	XOÀN	20/01/89		9	Chín

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 89 Số bài: 84 Số tờ: 128

Ngày 10 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07KT (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi TV202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07120002	ĐÀO DUY	ANH	01/07/88	<i>anh</i>	7	Bay
2	07120003	ĐÀO THỊ	ANH	20/08/89	<i>Anh</i>	8	Tam
3	07120048	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	01/11/89	<i>Anh</i>	5	Nam
4	07146002	PHẠM TUẤN	ANH	02/12/88	<i>x</i>	6	Sau
5	07120047	TRẦN THỊ LAN	ANH	27/11/88	<i>Th</i>	7	Bay
6	07120005	TRẦN THỊ BÍCH	CHÂU	26/05/89	<i>THUỖ</i>	7	Bay
7	07120006	LÊ DUY	CHUNG	10/04/87	<i>ph</i>	5	Nam
8	07120007	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	05/04/89	<i>ph</i>	8	Tam
9	07120050	TRƯƠNG MINH	CƯỜNG	10/03/88	<i>2 Com</i>	5	Nam
10	07120008	LÊ CÔNG	DANH	16/02/89	<i>ph</i>	6	Sau
11	07120009	LÊ THỊ BÍCH	DIỆM	25/01/89	<i>diem</i>	6	Sau
12	07120051	MAI THỊ NGỌC	DUNG	17/05/89	<i>Dung</i>	8	Tam
13	07120053	LÊ THỊ NGỌC	DUYÊN	19/09/89	<i>Duyen</i>	7	Bay
14	07120011	LÊ CÔNG	ĐẮC	01/12/89	<i>Đac</i>	7	Bay
15	07120012	TRƯƠNG THỊ HỒNG	EM	10/10/89	<i>th</i>	9	Chon
16	07120056	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	20/12/89	<i>shuop</i>	8	Tam
17	07120013	ĐA NIAL	GỘCH	10/08/87	<i>gach</i>	5	Nam
18	07120014	ĐỖ THỊ THU	HÀ	01/07/88	<i>th</i>	8	Tam
19	07120058	HỒ THỊ	HÀ	16/07/89	<i>tham</i>	7	Bay
20	07120059	TRẦN THỊ	HIỀN	25/12/89	<i>thien</i>	7	Bay
21	07120060	PHẠM THỊ	HOA	30/04/88	<i>th</i>	5	Nam
22	07120018	TRẦN XUÂN	HOÀNG	14/09/87	<i>thuan</i>	5	Nam
23	07120019	BÙI MINH	HỒNG	06/08/89	<i>th</i>	8	Tam
24	07120061	NGUYỄN THỊ THU	HỒNG	12/01/89	<i>th</i>	8	Tam
25	07120062	NGUYỄN MINH	HUỆ	07/12/88	<i>th</i>	7	Bay
26	07120063	HOÀNG HUY	HÙNG	17/11/88	<i>th</i>	6	Sau
27	07120064	NGUYỄN THỊ MỘNG	HUYỀN	/ /89	<i>th</i>	9	Chon
28	07120020	LÊ VĂN	KHA	14/03/88	<i>th</i>	9	Chon
29	07120065	VÕ THỊ THÚY	KIỀU	22/05/88	<i>Kieu</i>	7	Bay
30	07120021	NGUYỄN THỊ	LAN	08/10/89	<i>ng</i>	9	Chon
31	07120066	NGUYỄN THỊ	LÀNH	02/11/88	<i>lanh</i>	7	Bay
32	07120068	DƯƠNG THỦY	LIÊN	25/11/88	<i>ly</i>	9	Chon
33	07120070	NGUYỄN THỊ	LONG	19/01/88	<i>th</i>	9	Chon
34	07120022	PHẠM THỊ	LỢI	15/01/88	<i>th</i>	8	Tam
35	07120072	NGUYỄN THỊ	MAI	20/10/89	<i>th</i>	9	Chon
36	07120071	TRƯƠNG PHÚC	MAI	29/08/88	<i>th</i>	9	Chon

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi Lớp DH07KT (Nhóm Thi 1)) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Từ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07120023	KIỀU ĐỨC	MẠNH	23/09/89	<i>namky</i>	7	<i>bay</i>
38	07120024	NGUYỄN THẾ	MIỀN	18/07/87	<i>thiet</i>	8	<i>jam</i>
39	07120073	ĐẶNG HOÀNG	NAM	17/12/89	<i>thuyet</i>	3	<i>ba</i>
40	07114086	THẠCH	NÊTRA	09/08/88	<i>tra</i>	7	<i>bay</i>
41	07120074	TRẦN THỊ BÍCH	NGÂN	02/02/89	<i>ngan</i>	4	<i>ba</i>
42	07120025	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	17/08/89	<i>ngoc</i>	3	<i>ba</i>
43	07120026	TRẦN KIM	NGUYỄN	28/07/89	<i>kim</i>	8	<i>jam</i>
44	07120075	PHẠM VĂN	NHẬN	17/10/87	<i>van</i>	2	<i>hai</i>
45	07120028	LỤC THỊ TUYẾT	NHUNG	16/11/89	<i>ngoc</i>	7	<i>bay</i>
46	07120029	LÝ THỊ	OANH	30/06/87	<i>ly</i>	8	<i>jam</i>
47	07120076	THIỀU THỊ	OANH	14/06/88	<i>thieu</i>	9	<i>chun</i>
48	07120077	NGUYỄN THỊ MINH	PHÚC	22/12/89	<i>minh</i>	7	<i>bay</i>
49	07120078	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	21/11/89	<i>thuy</i>	7	<i>bay</i>
50	07120030	BÙI THỊ	PHƯƠNG	01/07/89	<i>bui</i>	9	<i>chun</i>
51	07120031	TÔN THẤT VINH	QUANG	15/07/89	<i>vinh</i>	9	<i>chun</i>
52	07120032	LƯƠNG THÀNH PHÚ	QUÝ	06/11/89	<i>thanh</i>	✓	✓
53	07120033	TRẦN THỊ TUYẾT	SANG	06/09/89	<i>thiet</i>	8	<i>jam</i>
54	07120034	NGUYỄN VIỆT	SÔ	04/08/89	<i>viets</i>	7	<i>bay</i>
55	07120082	LƯƠNG THỊ	TÂM	28/10/88	<i>ly</i>	9	<i>chun</i>
56	07120080	MAI THỊ HIỀN	TÂM	08/01/88	<i>hi</i>	6	<i>sau</i>
57	07120081	NGUYỄN HOÀNG	TÂM	16/01/89	<i>hoang</i>	9	<i>chun</i>
58	07120083	VÔ THỊ	TÂM	03/01/89	<i>thi</i>	7	<i>bay</i>
59	07120084	PHẠM NGỌC	THÁI	26/07/89	<i>ngoc</i>	7	<i>bay</i>
60	07120085	NGUYỄN TRẦN VIÊN	THẢO	29/08/89	<i>thao</i>	8	<i>jam</i>
61	07120086	PHẠM NGỌC	THẮNG	23/10/85	<i>thao</i>	6	<i>sau</i>
62	07120037	PHAN THÀNH	THÍCH	08/12/89	<i>thich</i>	5	<i>nam</i>
63	07120038	NGUYỄN MINH	THUẬN	05/09/87	<i>minh</i>	8	<i>jam</i>
64	07120087	NGUYỄN NGỌC	THÚY	01/04/89	<i>ngoc</i>	3	<i>ba</i>
65	07114097	THẠCH THỊ	THUYỀN	02/02/86	<i>thuyet</i>	6	<i>sau</i>
66	07120039	NGUYỄN THỊ THÙY	TIỀN	23/10/89	<i>thuyet</i>	5	<i>nam</i>
67	07120088	TRẦN THÚY	TIỀN	03/08/88	<i>thuyet</i>	3	<i>ba</i>
68	07114098	KIÊN THỊ HỒNG	TIỀN	15/05/88	<i>thuyet</i>	4	<i>ba</i>
69	07120041	VŨ ĐÌNH	TOÀN	25/06/88	<i>thuyet</i>	7	<i>bay</i>
70	07120090	BÙI THỊ PHƯƠNG	TRANG	01/03/89	<i>thuyet</i>	7	<i>bay</i>
71	07120091	VŨ THỊ THÙY	TRANG	12/12/89	<i>thuyet</i>	7	<i>bay</i>
72	07120092	NGÔ PHƯỚC	TRỌNG	04/06/88	<i>thuyet</i>	4	<i>bay</i>
73	07120044	NGUYỄN VĂN	TÚ	14/08/89	<i>thuyet</i>	6	<i>sau</i>
74	07120046	ĐÀO QUỐC	TUẤN	08/04/88	<i>thuyet</i>	6	<i>sau</i>

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi Lớp DH07KT (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
75	07120093	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYÊN	20/11/89		5	Năm
76	07120045	NGUYỄN THỊ NGỌC	VÀNG	02/01/89		8	Tám
77	07120094	LÊ THỊ	VIỆT	18/12/88		8	Tám
78	07120095	NGUYỄN HOÀNG	YẾN	08/06/89		7	Bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 77 Số bài: 77 Số tờ: 109

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07KM (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi TV201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SốTứ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07143049	NGUYỄN THỦY	AN	19/08/89		8	Tám
2	07143051	LÊ TRẦN TUẤN	ANH	05/12/88		7	Bảy
3	07143050	TÔ THỊ KIỀU	ANH	04/05/88		7	Bảy
4	07143052	NGUYỄN THỊ NGỌC	CẨM	20/10/89		5	Năm
5	07143004	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	25/11/89		9	Chín
6	07143005	NGUYỄN PHÚ	CƯỜNG	10/12/89		7	Bảy
7	07143007	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	10/03/88		9	Chín
8	07143053	ĐOÀN TẤN	DƯƠNG	20/12/88		7	Bảy
9	07143008	LÊ XUÂN	ĐÀ	17/06/89		8	Tám
10	07143054	TRẦN THỊ HỒNG	GIANG	16/07/89		6	Sáu
11	07143055	ĐÌNH HẢI	HÀ	24/06/88		8	Tám
12	07143056	NGUYỄN THỊ	HÀ	10/08/89		7	Bảy
13	07143058	LÊ HOÀNG	HẢI	02/09/89		7	Bảy
14	07143057	NGUYỄN CHÍ	HẢI	13/06/88		7	Bảy
15	07143012	LÊ THỊ	HẠNH	29/11/89		9	Chín
16	07143011	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	25/11/89		7	Bảy
17	07143059	HÀ CẨM	HẰNG	15/08/87		7	Bảy
18	07143060	PHẠM THỊ THU	HẰNG	30/12/89		5	Năm
19	07143013	DƯƠNG TRUNG	HIỀN	26/12/87		7	Bảy
20	07143061	NGUYỄN THU	HIỀN	31/07/88		5	Năm
21	07143062	BÙI VĂN	HOÀNG	19/05/89		7	Bảy
22	07143063	NGUYỄN TRỌNG	HUY	20/05/89		8	Tám
23	07143065	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	10/11/88		6	Sáu
24	07143064	TRẦN THỊ MAI	HƯƠNG	28/01/88		7	Bảy
25	07130150	SÂN A	KHIẾNG	06/04/89		3	Ba
26	07143014	LÊ THỊ	KHUYÊN	27/12/88		6	Sáu
27	07143066	LÊ ĐÌNH	KIÊN	18/06/88		7	Bảy
28	07143067	NGUYỄN THỊ	KIỀU	03/07/89		8	Tám
29	07143015	CAO THỊ	LAN	08/01/88		7	Bảy
30	07143068	LÊ THỊ MỸ	LAN	22/04/89		9	Chín
31	07143070	HUỖNH	LÂN	10/08/89		1	Một
32	07120067	ĐẶNG THỊ MINH	LIÊN	15/09/89		9	Chín
33	07143071	NGUYỄN THỊ THỤC	LINH	05/04/89		7	Bảy
34	07143017	CAO THỊ	LOAN	01/08/88		7	Bảy
35	07143072	PHẠM HỒNG	LOAN	24/08/89		7	Bảy
36	07143018	VÕ VĂN	LUÂN	20/02/85			

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi Lớp DH07KM (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07143073	PHẠM THỊ LUYẾN	19/09/89		<i>Phu</i>	8	<i>Phu</i>
38	07143019	ĐẶNG THỊ HIỀN	LƯƠNG	30/06/89	<i>Hi</i>	9	<i>Chín</i>
39	07143020	VÕ THỊ NGỌC	LY	25/02/89	<i>Ngoc</i>	8	<i>Phu</i>
40	07143075	NGUYỄN THỊ MAI	LÝ	07/10/89	<i>mai</i>	9	<i>Chín</i>
41	07143021	LÊ QUỐC THANH	MAI	29/11/89	<i>Thme</i>	5	<i>Năm</i>
42	07143076	TRẦN VĂN MỐI	15/11/88		<i>Tr</i>	5	<i>Năm</i>
43	07143022	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	18/02/89	<i>ML</i>	9	<i>Chín</i>
44	07143023	TRẦN DIỄM	MY	20/07/89	<i>My</i>	6	<i>Sáu</i>
45	07143078	NGUYỄN THỊ THANH	NAM	05/09/89	<i>nam</i>	6	<i>Sáu</i>
46	07143024	BẠCH THỊ	NGÂN	19/07/89	<i>ngat</i>	6	<i>Sáu</i>
47	07143079	ĐỖ THỊ BÍCH	NGỌC	14/05/89	<i>Ngoc</i>	7	<i>Bảy</i>
48	07143080	TRẦN THỊ BÍCH	NGỌC	11/12/89	<i>Ngoc</i>	7	<i>Bảy</i>
49	07143026	CAO TÀI	NGUYỄN	12/01/89	<i>nguyen</i>	6	<i>Sáu</i>
50	07143025	THÔI PHƯỚC	NGUYỄN	04/08/89	<i>Ph</i>	7	<i>Bảy</i>
51	07143081	NGUYỄN SỸ	NGUYỄN	24/03/89		✓	
52	07143082	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYẾT	20/01/87	<i>Nguyet</i>	8	<i>Phu</i>
53	07143027	CAO THỊ	NHÂN	02/01/89	<i>ph</i>	7	<i>Bảy</i>
54	07143028	NGUYỄN THỊ MỸ	NHÂN	30/12/89	<i>ph</i>	7	<i>Bảy</i>
55	07143030	LÊ NGUYỄN Ý	NHI	27/12/89	<i>Phong</i>	3	<i>Ba</i>
56	07143083	PHẠM THỊ PHƯƠNG	NHUNG	06/07/89	<i>nhung</i>	9	<i>Chín</i>
57	07137042	NGUYỄN THỊ	OANH	16/10/89	<i>canh</i>	5	<i>Năm</i>
58	07143085	PHẠM NGUYỄN HỒNG	PHONG	21/03/89	<i>quo</i>	8	<i>Phu</i>
59	07143032	NGUYỄN THỊ TUYẾT	PHƯƠNG	09/01/89	<i>phuong</i>	7	<i>Bảy</i>
60	07143033	LÊ THỊ NHƯ	QUÝ	29/10/89	<i>lu</i>	7	<i>Bảy</i>
61	07143088	TRƯƠNG NGỌC	QUYÊN	15/07/89	<i>Qu</i>	7	<i>Bảy</i>
62	07143034	NGUYỄN THÀNH	SANG	10/07/89	<i>Sang</i>	7	<i>Bảy</i>
63	07143089	TRẦN VĂN	SÁNG	22/12/89	<i>Tr</i>	7	<i>Bảy</i>
64	07143090	TRẦN THỊ THẢO	SƯƠNG	23/11/89	<i>thao</i>	7	<i>Bảy</i>
65	07143091	ĐẶNG THỊ MINH	TÂM	29/09/89	<i>ph</i>	7	<i>Bảy</i>
66	07143092	HỒ THANH	TÂM	01/07/89	<i>thanh</i>	7	<i>Bảy</i>
67	07143093	NGUYỄN THỊ THIÊN	TÂM	02/01/89	<i>tho</i>	7	<i>Bảy</i>
68	07143036	HOÀNG THỊ	THANH	09/06/89	<i>tho</i>	3	<i>Ba</i>
69	07143037	HUỖNH THỊ BÍCH	THẢO	18/09/88	<i>th</i>	7	<i>Bảy</i>
70	07143095	PHẠM ĐỨC	THẮNG	16/07/87	<i>tho</i>	7	<i>Bảy</i>
71	07143096	LƯƠNG DUY	THẾ	25/01/86	<i>tho</i>	8	<i>Phu</i>
72	07143039	HUỖNH NGỌC	THỌ	/ /89	<i>tho</i>	9	<i>Chín</i>
73	07143040	MAI THỊ KIM	THOẠI	06/11/88	<i>tho</i>	9	<i>Chín</i>
74	07143097	VÕ QUANG	THOẠI	20/06/89	<i>tho</i>	7	<i>Bảy</i>

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07KM (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
75	07143098	TRẦN THỊ THANH	THÚY	11/02/89	<i>Thanh</i>	6	Sau
76	07143042	TRƯƠNG THỊ NGỌC	THÚY	27/05/89	<i>Ng</i>	9	Chín
77	07143099	NGUYỄN THỊ	THUYỀN	01/09/89	<i>Ng.</i>	7	Bảy
78	07143101	CHU THỊ	TOÀN	04/02/89	<i>Toàn</i>	8	Tám
79	07143102	CHU VĂN	TÔI	07/05/89			
80	07143104	ĐOÀN THỊ NGỌC	TRANG	04/04/89	<i>Tru</i>	7	Bảy
81	07143103	VŨ PHẠM KHÁNH	TRANG	05/02/88	<i>Trang</i>	7	Bảy
82	07143043	NGUYỄN THỊ HỒNG	TRINH	22/02/89	<i>Trinh</i>	9	Chín
83	07143106	LÊ THỊ CẨM	TÚ	13/03/89	<i>Tu</i>	6	Sáu
84	07143107	PHAN TRẦN CHÂU	TUẤN	02/08/84	<i>Tu</i>	6	Sáu
85	07143044	TRƯƠNG THỊ THANH	TUYỀN	18/11/88	<i>Tuyen</i>	7	Bảy
86	07143108	LÊ THỊ TRÚC	UYÊN	04/07/88	<i>Uyen</i>	7	Bảy
87	07143045	LÊ THỊ HỒNG	VÂN	29/09/89	<i>NgVân</i>	6	Sáu
88	07143109	ĐINH NGUYỄN THÙY	VI	02/09/89	<i>Vi</i>	7	Bảy
89	07143046	HUỖNH LÊ	VIỄN	08/05/89	<i>Thuy</i>	4	Bốn
90	07143110	ĐOÀN TRỌNG	VINH	26/09/88	<i>Ng</i>	4	Bốn
91	07143111	NGUYỄN VĂN HOÀI	VŨ	26/06/89	<i>Ng</i>	7	Bảy
92	07143048	HUỖNH THỊ KIM	YẾN	10/02/89	<i>Thye</i>	8	Tám

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 89 Số bài: 89 Số tờ: 127

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 *Phan*
Nguyễn T. Thảo Vy

Cán bộ coi thi 2 *Trần*
Trần Hữu Minh

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ng Htai

Th.S. Nguyễn Văn Công